



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

RUNG LẮC NGẮN HẠN – SĂN CƠ HỘI TỪ NÂNG HẠNG & DẦU KHÍ

ASEANSC Research | 14-09-2026

TỔNG HỢP NỘI DUNG CHÍNH

Báo cáo Cơ hội đầu tư – Cơ hội quanh nhịp rung lắc

*Cơ hội
từ những nhịp rung lắc*

01 NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- VN-Index tuần qua điều chỉnh, rung lắc do áp lực chốt lời và tâm lý thận trọng trước kỳ họp FED.
- Quan điểm trung hạn vẫn tích cực; thị trường còn động lực nhờ kỳ vọng tăng trưởng và chính sách hỗ trợ.
- Mục tiêu năm 2026: VN-Index hướng vùng **1.900 – 2.000 điểm.**

02 CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- Ưu tiên mua tại nhịp điều chỉnh hoặc nền tích lũy, hạn chế FOMO mua đuổi.
- Không all-in; đa dạng hóa theo khẩu vị rủi ro.
- Margin đề xuất ở mức thấp; cắt lỗ tối đa **-5%.**
- Thời gian nắm giữ tham khảo: **T+3 đến T+10.**

03 NHÓM CÂU CHUYỆN NỔI BẬT

- Nâng hạng FTSE
- Nghị quyết 68
- Nghị quyết 79
- Dầu khí / mỏ dầu mới
Lở B – Ô Môn
- Ngân hàng
- Đầu tư công & hạ tầng
- Tiêu dùng – bán lẻ
- Chứng khoán / IPO / tăng vốn
- BDS khu công nghiệp
- Cổ phiếu cổ tức cao

04 CỔ PHIẾU TÂM ĐIỂM



Ngân hàng
(Đầu tàu tăng trưởng)

VCB BID CTG
TCB HDB VPB



Dầu khí – năng lượng
(Đón sóng chu kỳ mới)

BSR PVS PVD GAS



Bluechips / chất lượng
(Nền tảng vững chắc)

FPT HPG VHM VNM



Chứng khoán &
câu chuyện dòng tiền
(Hưởng lợi thanh khoản)

SSI VCI VND VIX

05 HÀNH ĐỘNG ĐẦU TƯ



Tận dụng nhịp rung lắc để **tích lũy có chọn lọc** các cổ phiếu có catalyst rõ ràng, được dòng tiền ủng hộ và định giá hợp lý; **ưu tiên giải ngân từng phần** thay vì tăng đòn bẩy mạnh.

THÔNG điệp CHÍNH

“ Rung lắc là cơ hội tái cơ cấu và tích lũy, không phải tín hiệu phải rút lui khỏi thị trường. ”



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến rung lắc

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

CƠ HỘI TỪ NÂNG HẠNG & DẦU KHÍ

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- **VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh với thanh khoản thị trường gia tăng cao hơn mức bình quân. Chỉ số kết tuần tại mức 1.795,21 điểm, giảm 3,12% so với thứ Sáu tuần liền trước.** Các nhóm ngành diễn biến điều chỉnh, trong đó áp lực lớn nhất thuộc về các nhóm Chứng khoán, Bất động sản và Bán lẻ.
- **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục rung lắc trong thời gian tới khi kỳ họp công bố lãi suất của FED đến gần.** Nhà giao dịch lướt sóng nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (nâng hạng FTSE, KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn Nhà nước,...)
- **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ hướng về vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index diễn biến rung lắc



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 14/09/2026 – 18/09/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
TCB	Ngân hàng	30– 31	33 +/-	Ở mức thấp (10% - 30%)
STB	Ngân hàng	72 – 75	80 +/-	
SSI	Chứng khoán	19 – 20	21 +/-	
VND	Chứng khoán	14 – 15	16 +/-	
VCG	Xây dựng	14 – 15	16 +/-	
BSR	Dầu khí	26 – 27	29 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

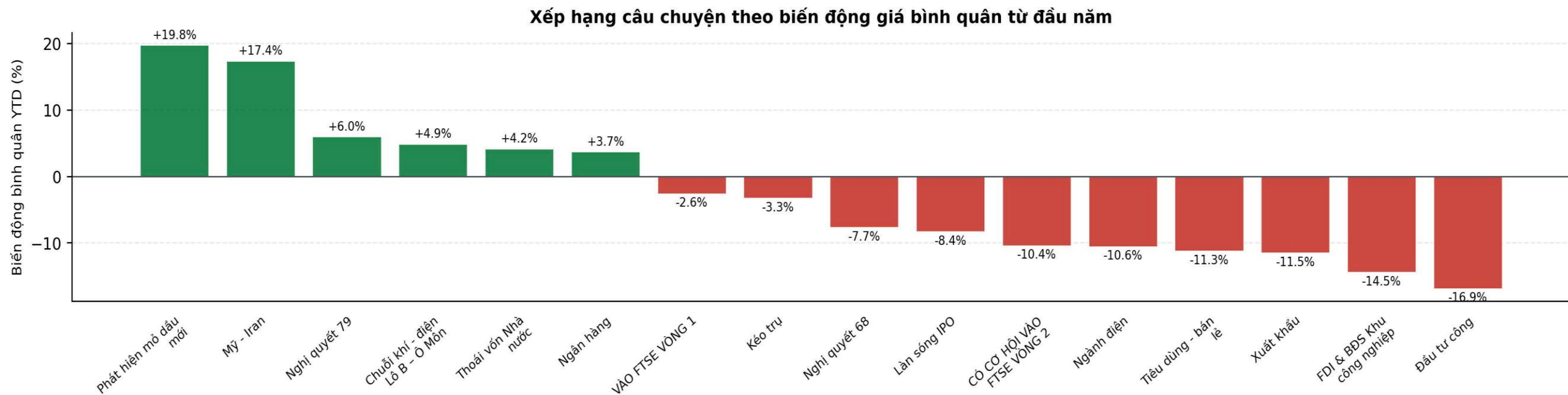
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 07/09/2026 – 11/09/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
HDB	Ngân hàng	26 – 27	N/A
MBB	Ngân hàng	19 – 20	N/A
VIB	Ngân hàng	14 – 15	N/A
FPT	Công nghệ	67 – 70	N/A
MWG	Bán lẻ	70 – 72	N/A
MSN	Bán lẻ	65 – 67	N/A

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN





3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	993	(229)	764	18%	13%	83.557	11,7	2,0
VIC	5.159	158	5.317	17%	35%	77.622	88,0	9,8
VHM	3.598	(688)	2.910	32%	5%	82.148	3,7	1,0
BID	463	7	469	18%	31%	72.801	7,8	1,3
HPG	1.433	259	1.691	17%	3%	84.430	7,7	1,3
VPB	1.737	(195)	1.541	17%	35%	79.339	7,2	1,1
FPT	1.436	383	1.819	26%	20%	17.143	12,4	3,0
GEX	792	2	794	10%	78%	13.085	22,8	0,9
HDB	965	89	1.054	25%	28%	50.053	6,9	1,5
HCM	453	60	513	10%	5%	10.808	20,8	1,9
MCH	129	63	192	39%	6%	13.074	26,1	9,5
MSN	838	(33)	806	22%	18%	14.604	13,6	1,9
NVL	695	(67)	628	7%	-315%	24.021	6,6	0,4
SHB	2.305	(139)	2.166	17%	26%	45.942	4,4	0,7
STB	1.348	(334)	1.014	5%	23%	18.852	47,3	2,3
SSB	151	16	167	7%	23%	34.288	21,0	1,5
SSI	1.497	(40)	1.457	13%	17%	25.031	9,7	1,1
TCX	340	(102)	238	14%	21%	27.745	17,3	2,3
VNM	549	(85)	464	30%	1%	20.900	11,4	3,5
VCI	970	(58)	913	9%	12%	11.522	15,0	1,3
VJC	591	15	606	9%	-623%	7.691	44,1	3,6
MSB	138	(15)	123	14%	9%	31.200	6,9	0,9
VRE	657	22	679	15%	55%	23.288	8,0	1,2
VPL	381	72	452	8%	0%	17.933	49,0	3,3
VIX	2.537	(65)	2.472	16%	209%	24.503	16,1	0,7
VND	653	(58)	595	13%	5%	15.223	8,5	1,1
VCK	258	(20)	238	17%	76%	24.349	15,6	2,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	722	2	724	13%	5%	12.939	13,9	1,5
VCB	993	(229)	764	18%	13%	83.557	11,7	2,0
BID	463	7	469	18%	31%	72.801	7,8	1,3
BVH	103	1	104	18%	20%	7.423	8,7	1,8
HVN	95	(47)	48	58%	-78%	31.115	14,3	6,3
BCM	140	2	141	9%	26%	10.350	20,7	1,8
GVR	273	(11)	262	12%	7%	40.000	17,1	1,8
POW	309	(36)	274	17%	29%	30.678	6,2	0,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	1.436	383	1.819	26%	20%	17.143	12,4	3,0
HDB	965	89	1.054	25%	28%	50.053	6,9	1,5
GMD	238	(59)	178	21%	44%	4.329	12,4	2,0
DGW	391	112	503	24%	1640%	2.213	11,7	2,6
REE	41	6	47	13%	15%	6.229	13,2	1,1
VPB	1.737	(195)	1.541	17%	35%	79.339	7,2	1,1
ACB	501	(19)	482	17%	14%	58.044	8,0	1,3
TCB	1.355	151	1.505	15%	10%	70.862	8,4	1,2
MWG	514	(2)	512	29%	525%	14.770	10,7	2,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	722	2	724	13%	5%	12.939	13,9	1,5
OIL	154	9	163	7%	-10%	2.014	23,3	1,2
GAS	482	23	506	19%	12%	24.129	15,7	2,8
PVS	492	43	535	14%	31%	5.114	9,3	1,2
PVD	542	(69)	473	7%	-224%	9.282	9,3	0,6
BSR	1.341	135	1.476	30%	192%	50.073	6,9	1,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	722	2	724	13%	5%	12.939	13,9	1,5
GVR	273	(11)	262	12%	7%	40.000	17,1	1,8
BVH	103	1	104	18%	20%	7.423	8,7	1,8
POW	309	(36)	274	17%	29%	30.678	6,2	0,8
BID	463	7	469	18%	31%	72.801	7,8	1,3
GAS	482	23	506	19%	12%	24.129	15,7	2,8
BSR	1.341	135	1.476	30%	192%	50.073	6,9	1,9
VCB	993	(229)	764	18%	13%	83.557	11,7	2,0
CTG	1.050	(222)	827	22%	25%	77.669	5,8	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	549	(85)	464	30%	1%	20.900	11,4	3,5
DGW	391	112	503	24%	1640%	2.213	11,7	2,6
MSN	838	(33)	806	22%	18%	14.604	13,6	1,9
FRT	164	(13)	151	28%	-69%	1.788	21,5	4,1
MWG	514	(2)	512	29%	525%	14.770	10,7	2,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	148	(57)	90	29%	70%	4.174	5,2	1,3
BCM	140	2	141	9%	26%	10.350	20,7	1,8
KBC	101	(5)	96	5%	112%	9.418	21,8	0,9
VGC	53	1	54	17%	12%	4.484	12,9	1,6
PHR	98	(27)	71	21%	7%	1.355	4,8	0,9
SZC	36	(1)	35	5%	6%	1.800	20,3	1,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	1.348	(334)	1.014	5%	23%	18.852	47,3	2,3
HDB	965	89	1.054	25%	28%	50.053	6,9	1,5
BID	463	7	469	18%	31%	72.801	7,8	1,3
VPB	1.737	(195)	1.541	17%	35%	79.339	7,2	1,1
MBB	919	(187)	732	21%	20%	80.550	5,3	1,0
ACB	501	(19)	482	17%	14%	58.044	8,0	1,3
VCB	993	(229)	764	18%	13%	83.557	11,7	2,0
TCB	1.355	151	1.505	15%	10%	70.862	8,4	1,2
CTG	1.050	(222)	827	22%	25%	77.669	5,8	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	1.433	259	1.691	17%	3%	84.430	7,7	1,3
CTD	78	(7)	71	8%	169%	1.140	8,2	0,7
HHV	111	(1)	110	6%	24%	5.745	7,9	0,4
VCG	167	(2)	166	34%	112%	6.982	2,4	0,8
BMP	45	(9)	37	43%	73%	819	9,0	4,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	309	(36)	274	17%	29%	30.678	6,2	0,8
NT2	47	(3)	45	26%	300%	2.879	4,7	1,2
TV2	7	(0)	7	4%	211%	3.762	16,4	0,7
GEG	41	6	47	13%	15%	6.229	13,2	1,1
REE	133	10	144	17%	38%	4.113	7,3	0,9
PC1	309	(36)	274	17%	29%	30.678	6,2	0,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	309	(36)	274	17%	29%	30.678	6,2	0,8
GAS	482	23	506	19%	12%	24.129	15,7	2,8
PVS	492	43	535	14%	31%	5.114	9,3	1,2
PVD	542	(69)	473	7%	-224%	9.282	9,3	0,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	993	(229)	764	18%	13%	83.557	11,7	2,0
FPT	1.436	383	1.819	26%	20%	17.143	12,4	3,0
VNM	549	(85)	464	30%	1%	20.900	11,4	3,5
HPG	1.433	259	1.691	17%	3%	84.430	7,7	1,3
BID	463	7	469	18%	31%	72.801	7,8	1,3
TCB	1.355	151	1.505	15%	10%	70.862	8,4	1,2
CTG	1.050	(222)	827	22%	25%	77.669	5,8	1,2
VHM	3.598	(688)	2.910	32%	5%	82.148	3,7	1,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	209	(82)	127	6%	-2%	4.851	17,9	0,8
PDR	(141)	(42)	(184)	5%	-9%	9.978	20,0	1,0
KDH	(150)	(66)	(217)	12%	17%	11.222	11,6	1,0
VHM	1.425	30	1.454	33%	5%	82.148	3,8	1,1
TCH	(345)	36	(308)	3%	13%	9.121	39,7	0,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	258	(20)	238	17%	76%	24.349	15,6	2,2
TCX	340	(102)	238	14%	21%	27.745	17,3	2,3
VCI	970	(58)	913	9%	12%	11.522	15,0	1,3
MBS	259	1	260	14%	20%	10.010	9,7	1,0
VND	653	(58)	595	13%	5%	15.223	8,5	1,1
VIX	2.537	(65)	2.472	16%	209%	24.503	16,1	0,7
SHS	575	(6)	570	8%	68%	8.995	12,8	1,0
HCM	453	60	513	10%	5%	10.808	20,8	1,9
SSI	1.497	(40)	1.457	13%	17%	25.031	9,7	1,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	359	(229)	130	18%	13%	83.557	11,7	2,0	58.200	56.681	3%	VÀO FTSE VÒNG 1
BID	(217)	7	(210)	18%	31%	72.801	7,8	1,3	35.600	35.575	0%	Nghị quyết 79
CTG	(931)	(222)	(1.154)	22%	25%	77.669	5,8	1,2	29.950	34.962	-14%	Nghị quyết 79
TCB	(393)	151	(242)	15%	10%	70.862	8,4	1,2	31.600	34.230	-8%	Nghị quyết 68
VPB	(57)	(195)	(253)	17%	35%	79.339	7,2	1,1	26.950	27.413	-2%	Nghị quyết 68
HDB	(51)	89	38	25%	28%	50.053	6,9	1,5	26.800	28.950	-7%	Nghị quyết 68
TCX	(114)	(102)	(216)	14%	21%	27.745	17,3	2,3	38.100	37.758	1%	Làn sóng IPO
VCI	(636)	(58)	(694)	9%	12%	11.522	15,0	1,3	20.050	24.617	-19%	Làn sóng IPO



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	(455)	383	(72)	26%	20%	17.143	12,4	3,0	72.700	93.709	-22%	Nghị quyết 68
HPG	(663)	259	(405)	17%	3%	84.430	7,7	1,3	21.300	23.163	-8%	Đầu tư công
PVS	(298)	43	(255)	14%	31%	5.114	9,3	1,2	38.400	35.500	8%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	172	(69)	103	7%	-224%	9.282	9,3	0,6	18.550	17.432	6%	Phát hiện mỏ dầu mới
VNM	(10)	(85)	(95)	30%	1%	20.900	11,4	3,5	59.900	58.438	3%	Tiêu dùng - bán lẻ
MSN	(526)	(33)	(559)	22%	18%	14.604	13,6	1,9	66.500	76.800	-13%	Tiêu dùng - bán lẻ
MWG	(258)	(2)	(260)	29%	525%	14.770	10,7	2,9	71.300	86.060	-17%	Nghị quyết 68



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	514	135	649	30%	192%	50.073	6,9	1,9	27.550	16.069	71%	Nghị quyết 79
IDC	(102)	(57)	(160)	29%	70%	4.174	5,2	1,3	30.000	31.380	-4%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	(504)	(187)	(691)	21%	20%	80.550	5,3	1,0	19.750	20.304	-3%	Ngân hàng
ACB	57	(19)	38	17%	14%	58.044	8,0	1,3	22.050	20.694	7%	Nghị quyết 68
VHM	(1.003)	(688)	(1.691)	32%	5%	82.148	3,7	1,0	72.000	63.844	13%	Nghị quyết 68
CTD	(65)	(7)	(72)	8%	169%	1.140	8,2	0,7	58.000	71.043	-18%	Đầu tư công
GEX	(392)	2	(390)	10%	78%	13.085	22,8	0,9	23.950	28.272	-15%	VÀO FTSE VÒNG 1

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**